

ĐỀ ÁN
SẢN XUẤT VỤ XUÂN NĂM 2026
PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ XUÂN NĂM 2025

I. DIỄN BIẾN THỜI TIẾT VÀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Diễn biến thời tiết:

Sản xuất vụ Xuân 2025 diễn ra trong điều kiện thời tiết không thuận lợi, đầu vụ chịu tác động của các đợt không khí lạnh¹ gây rét đậm, rét hại ảnh hưởng đến tiến độ, kết quả xuống giống các loại cây trồng, nhất là đối với cây trồng cạn; nền nhiệt độ trung bình quý I phổ biến 18,9-19,9⁰C, thấp hơn trung bình nhiều năm từ 0,4-0,8⁰C và thấp hơn cùng kỳ từ 1,4-2,4⁰C. Thời kỳ cây lúa phân hóa đồng thời tiết chủ yếu duy trì hình thái nhiệt độ thấp², kèm theo mưa ẩm, ánh sáng yếu, làm ảnh hưởng đến quá trình tích lũy sinh khối và phân hóa đồng của lúa, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng dịch hại phát sinh; thời điểm lúa trở bông, phơi mau, chín sữa, chín sấp diễn ra cơ bản trong giai đoạn thời tiết nắng nóng, nhưng do ảnh hưởng của đợt gió mùa đông bắc gây mưa lớn, dông lốc vào đêm và rạng sáng ngày 9-10/5 gây đổ ngã 5 ha các loại cây trồng.

2. Công tác chỉ đạo điều hành:

Căn cứ Đề án sản xuất vụ Xuân năm 2025 số 6497/ĐA-UBND ngày 29/11/2024 của UBND huyện Nghi Xuân, UBND các xã cũ Cổ Đạm, Xuân Liên, Cương Gián đã ban hành Đề án sản xuất và tổ chức Hội nghị triển khai Đề án sản xuất vụ Xuân năm 2025; đồng thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện sản xuất, chỉ đạo công chức chuyên môn bám sát cơ sở, phối hợp với các thôn trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện sản xuất, hướng dẫn chăm sóc, phòng, trừ dịch hại cây trồng

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT

1. Diện tích, năng suất, sản lượng:

Vụ Xuân 2025 được mùa toàn diện, diện tích sản xuất các loại cây trồng cơ bản đạt kế hoạch đề ra, năng suất và sản lượng đạt và vượt kế hoạch, tăng khá cao so với cùng kỳ. Tổng diện tích gieo trồng và cho thu hoạch các loại cây trồng 1.274,61ha/1.455ha KH, đạt 87,6% KH; tổng sản lượng 7.771,58 tấn/8.715,3tấn KH, đạt 89,17% KH; trong đó:

¹ Từ tháng 01 đến tháng 4 chịu ảnh hưởng của 11 đợt không khí lạnh vào các ngày 09/01, 14/01, 26/01, 02/02, 07/02, 16/02, 23/02, 05/3, 16/3, 29/3, 12/4

² Thời điểm này chịu ảnh hưởng của đợt không khí lạnh mạnh từ 16 - 22/3 nền nhiệt độ dao động từ 14-19⁰C, cao nhất đạt 23-24⁰C, độ ẩm dao động từ 85-95% và đợt không khí lạnh từ ngày 29/3 - 1/4, nền nhiệt độ dao động từ 15-20⁰C, có nơi dưới 14⁰C, độ ẩm dao động từ 92-97%)

- Cây lúa: Diện tích 843ha/830ha, đạt 101,56% KH; năng suất 59,92 tạ/ha, đạt 103,75% KH, bằng 102,67% so với cùng kỳ; sản lượng 5.051,43 tấn, đạt 101,57% KH, bằng 104,18% so với cùng kỳ. Vụ Xuân năm 2025 được đánh giá là năm sản xuất lúa được mùa, năng suất 59,92 tạ/ha là mức cao nhất trong nhiều năm qua.

- Cây lạc: Diện tích 37,7ha/200ha đạt 18,85 % KH, bằng 62,41% so với cùng kỳ; năng suất 25tạ/ha, đạt 89,28% KH; sản lượng 100,2 tấn, đạt 18,38% KH, bằng 67,52 % so với cùng kỳ.

- Ngô lấy hạt: Diện tích 183,31ha/169ha, đạt 108,467% KH; năng suất 45,32tạ/ha, đạt 98% KH; sản lượng 830,93 tấn, đạt 98% KH.

- Rau các loại: Diện tích 107,4 ha/151 ha, đạt 71,12% KH; năng suất 77,2/ha, sản lượng: 826,32 tấn, đạt 70,2% KH.

- Khoai lang: Diện tích 103,2 ha/105ha, đạt 98,3 % KH; năng suất 93,3 tạ/ha, đạt 97% KH; sản lượng: 962,7tấn, đạt 82,9 % KH.

(Chi tiết có phụ lục 1,2,3 kèm theo)

2. Đánh giá về cơ cấu giống:

Nhìn chung, trong vụ Xuân 2025 các giống lúa cơ bản ổn định, sinh trưởng phát triển tốt, ít biểu hiện các yếu điểm, cho năng suất cao, tập trung cơ cấu nhóm giống như sau:

- Nhóm giống đại trà đã ổn định qua nhiều năm: Bao gồm Nhị ưu 838, Nếp N98, HT1, P6, VTNA2, Khang dân, VNR20, Thái Xuyên 111, TH3-3, Bte-1, Bắc Thịnh, BT09 với tổng diện tích gieo cấy khoảng 800ha, chiếm 94,9 % diện tích³.

- Nhóm giống đặc thù: Bao gồm các giống: XT28, NX30, Xi23... với khoảng diện tích 15ha, cơ cấu ở những vùng đất trũng, năng suất trung bình, chống chịu sâu bệnh trung bình, chất lượng gạo không ngon chủ yếu tập trung tại vùng Cương Gián cũ,

- Nhóm giống có tiềm năng về năng suất, tính thích ứng: với diện tích gieo cấy 15ha: Bao gồm Hà Phát 3, VNR10, ADI 168, QP5, N24, BQ, Bắc Hương 9, cơ bản ổn định về năng suất, chất lượng gạo ngon, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, năng suất bình quân 55 – 65 tạ/ha, chưa có biểu hiện nhiễm các các đối tượng dịch hại trong vụ Xuân 2025.

- Giống cây trồng cạn, bao gồm: Giống rau củ quả: Rau cải, xà lách, bí xanh, bí đỏ, dưa chuột, đậu đỗ, cà chua, rau gia vị...; Giống lạc: Sử dụng giống L14, V79, L29 và các giống lạc địa phương như: lạc sen, lạc mỡ...; Giống ngô: NK7328, NK4300, LVN99, LVN669... và nhóm giống ngắn ngày: HN68, HN88, HN90, TBM18.

3. Đánh giá về thực hiện lịch thời vụ:

- Cơ bản các thôn chấp hành khung theo định hướng khung thời vụ sản xuất vụ Xuân 2025 gieo cấy lúa tập trung từ ngày 10/01 đến ngày 05/02/2025; trở tập trung từ 25 đến 30/4, kết thúc trước 05/5; Lịch xuống giống các loại cây trồng cạn kết thúc trước ngày 10/3.

³ Trong 800ha có 15ha cấy, còn lại gieo thẳng; một số giống như: TH3-3, Nhị ưu 838, Thái xuyên 111 cho năng suất và chất lượng tốt, được người dân tăng diện tích cơ cấu

4. Công tác phòng trừ dịch hại và quản lý vật tư nông nghiệp

- Vụ Xuân 2025 các đối tượng dịch hại diễn biến phức tạp: Trên cây lúa phát sinh bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh khô vằn, chuột gây hại; trên cây ngô phát sinh sâu keo mùa thu, sâu cắn lá, bệnh khô vằn, đốm lá diện tích 100ha; nhóm bệnh héo rũ gốc mốc đen, mốc trắng, lở cổ rễ trên cây lạc, nhiễm sâu xanh bướm trắng gây hại trên rau họ hoa thập tự.

Trước tình hình đó, UBND xã đã tập trung chỉ đạo, bám sát địa bàn thôn xóm, kết hợp Trung tâm UDKHKT&BVCTVN khu vực I chủ động điều tra, dự tính dự báo sâu bệnh hại, hướng dẫn các hộ sản xuất các giải pháp phòng, trừ kịp thời các đối tượng dịch hại trên cây trồng, không để sâu, bệnh lây lan, gây thiệt hại trên diện rộng.

- Đầu vụ Xuân phối hợp với phòng chuyên môn cấp huyện kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các cơ sở kinh doanh hàng hóa VTNN trên địa bàn; Tổ chức tuyên truyền và thực hiện ký cam kết đối với các cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản ban đầu nhỏ lẻ (theo Thông tư số 17/2018/TT-BNN&PTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

5. Thực hiện tích tụ, tập trung ruộng đất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất

Năm 2025 toàn xã thực hiện tích tụ ruộng đất được 42 ha tại thôn Phú Vinh, hình thành được cánh đồng lớn để tăng quy mô sản xuất, thực hiện cơ giới hóa (làm đất, thu hoạch, thủy lợi nội đồng, áp dụng công nghệ cao...)⁴; góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, tăng năng suất, nâng cao hiệu quả kinh tế từ 10- 15% so với trước khi tích tụ.

6. Thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất

-Thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị định 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh: 3.422 triệu đồng.

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Tồn tại, hạn chế

Diện tích sản xuất theo hình thức liên kết còn hạn chế, chủ yếu đang thực hiện khâu cung ứng vật tư đầu vào; chưa có nhiều doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp theo hình thức liên kết bền vững từ khâu cung ứng đầu vào và bao tiêu sản phẩm.

- Tình trạng gieo cấy dày, bón phân không cân đối, chưa chấp hành thời vụ vẫn còn diễn ra hầu hết ở các thôn.

2. Nguyên nhân:

- Khách quan: Vùng bãi ngang ven biển, đất pha cát nên chất đất kém dinh dưỡng bên cạnh đó hệ thống thủy lợi chưa đồng bộ, có nơi còn phụ thuộc

⁴ Trên địa bàn việc ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất, nhất là khâu làm đất tỷ lệ khoảng 98,5%, thu hoạch lúa tỷ lệ 100%, góp phần giải quyết thiếu hụt lực lượng lao động nông nghiệp, giảm chi phí công lao động; một số thôn đã ứng dụng thiết bị bay không người lái phun thuốc bảo vệ thực vật bước đầu phát huy hiệu quả, tạo tiền đề quan trọng trong việc cơ giới hóa đồng bộ tất cả các khâu trong sản xuất, tăng hiệu quả kinh tế.

lớn vào điều kiện tự nhiên nên năng suất cây trồng còn thấp, một số diện tích còn bỏ hoang; giá vật tư đầu vào (đạm, lân, kali) tăng cao ảnh hưởng đến khả năng đầu tư thâm canh của người dân.

- Chủ quan: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền ở một số thôn còn chưa thực sự quyết liệt; trình độ và tập quán sản xuất của người dân chậm thay đổi.

3. Bài học kinh nghiệm

- Huy động cả hệ thống chính trị cả hệ thống chính trị vào cuộc quyết liệt, kịp thời, bám sát cơ sở để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, chỉ tiêu theo kế hoạch.

- Làm tốt công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo các đối tượng sâu bệnh hại trên cây trồng; hướng dẫn phòng trừ kịp thời, hiệu quả.

PHẦN THỨ 2 SẢN XUẤT VỤ XUÂN NĂM 2026

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN

1. Nhận định về thời tiết:

Theo dự báo của Đài khí tượng thủy văn Hà Tĩnh, từ giữa tháng 11 đến tháng 12/2025, vẫn còn có một vài đợt mưa lớn xảy ra, nhưng chủ yếu xảy ra ở khu vực ven biển; từ tháng 01 đến tháng 3 năm 2026, các hiện tượng đông, lốc, sét có xác suất xảy ra rất nhỏ, tăng dần từ đầu tháng 4 năm 2026 và khoảng từ giữa tháng 4 năm 2026 trở đi cần đề phòng có những đợt đông, lốc, sét và các đợt mưa lớn cục bộ có thể xảy ra.

Vụ Xuân 2026 dự báo rét đậm, rét hại xảy ra sớm, nhiệt độ ở mức xấp xỉ Trung bình nhiều năm (TBNN) nhưng thấp hơn so với vụ Xuân 2025, đề phòng các đợt rét hại kéo dài ảnh hưởng xấu đến sản xuất trong tháng 12 năm 2025 đến tháng 2 năm 2026. Xu thế lượng mưa vụ Xuân 2026 khả năng ở mức cao hơn một ít so với TBNN.

2. Thuận lợi:

- Ngành Nông nghiệp tiếp tục nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; nhất là kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức sản xuất của chính quyền các cấp.

- Một số chính sách hỗ trợ cho sản xuất của Trung ương, của tỉnh đã ban hành tạo thuận lợi cho các địa phương đưa các giống mới, tiến bộ kỹ thuật mới góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Các hồ đập lớn đạt khoảng 95% dung tích thiết kế; Cơ giới trong nông nghiệp ngày được ứng dụng rộng rãi (làm đất, phun thuốc, thu hoạch, vận chuyển) và kết cấu hạ tầng giao thông nội đồng, hệ thống kênh mương tưới tiêu được đầu tư nâng cấp tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, giảm công lao động, đẩy nhanh thời vụ, nâng cao hiệu quả sản xuất. Công tác dự tính, dự báo tình hình thời tiết, thiên tai, dịch hại cây trồng ngày càng chính xác và cập nhật thường xuyên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chỉ đạo sản xuất, phòng trừ dịch hại, né tránh thiên tai hạn chế thiệt hại.

3. Khó khăn:

- Thời điểm xuống giống lúa tập trung cơ bản trùng vào tiết Tiểu Hàn, Đại Hàn, nguy cơ chịu ảnh hưởng của rét đậm, rét hại gây khó khăn trong tổ chức, chỉ đạo và triển khai sản xuất; giai đoạn lúa trổ bông xung quanh trung tuần tháng 3 âm lịch khả năng chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc cuối vụ gây mưa ẩm, tạo điều kiện cho các đối tượng sâu bệnh phát sinh gây hại, đặc biệt là bệnh đạo ôn cổ bông.

- Sản xuất chưa gắn với bảo quản, chế biến; doanh nghiệp kết nối theo chuỗi giá trị chưa nhiều, hiệu quả liên kết còn thấp, thiếu bền vững.

- Điều kiện địa hình, sinh thái đặc thù với nhiều tiểu vùng sinh thái, lập địa, thổ nhưỡng khác nhau (miền núi, đồng bằng, ven biển, vùng khó khăn về thủy lợi, vùng sâu vùng xa, ngập lụt...), thời tiết diễn biến phức tạp, khó lường.

- Các cơn bão số 5, số 6, số 10 gây thiệt hại nặng nề cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt vụ Hè thu năm 2025 mất mùa, làm giảm khả năng đầu tư sản xuất của người dân.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU

1. Phương hướng, mục tiêu chung

- Năm 2026 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tạo tiền đề, khí thế và nền tảng cho cả giai đoạn 2026-2030. Trong bối cảnh kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, cần phát huy sức mạnh cả hệ thống chính trị, huy động mọi nguồn lực, tập trung đẩy mạnh sản xuất vụ Xuân 2026 toàn diện trên tất cả các đối tượng cây trồng, phân đầu đạt và vượt diện tích, năng suất, sản lượng đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển của xã.

2. Chỉ tiêu cụ thể

- **Cây lúa:** Diện tích 845 ha, sản lượng phân đầu đạt trên 4.986 tấn.

- **Cây trồng cạn:** Tổng diện tích sản xuất 322 ha, gồm:

+ Ngô: Diện tích 140 ha, sản lượng phân đầu đạt 700 tấn.

+ Rau đậu thực phẩm: Diện tích 61 ha, sản lượng phân đầu đạt 494,1 tấn.

+ Lạc: Diện tích 60 ha, sản lượng phân đầu đạt 167,1 tấn

+ Khoai lang: Diện tích 61 ha, sản lượng phân đầu đạt 640,5 tấn.

(Chi tiết có Phụ lục 1,2,3 kèm theo)

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về cơ cấu giống, thời vụ, kỹ thuật canh tác

1.1. Sản xuất lúa

a) Cơ cấu giống: Do địa phương thường xuyên chịu tác động, ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại,... Vì vậy, cơ cấu định hướng bộ giống cần phải đa dạng về chủng loại, thời gian sinh trưởng, khả năng thích ứng, tính chống chịu với thiên tai, dịch hại, nhất là đối với bệnh đạo ôn.

- **Nhóm giống chủ lực:** Sản xuất ổn định qua các năm ở địa phương trọng điểm về lúa; giống có năng suất, chất lượng tốt; sản phẩm dễ tiêu thụ: Bắc Thịnh, Nếp 98, Nếp 87, Hà Phát 3, Khang dân đột biến, Khang dân 18, BT09, ADI168, VNR20, Nhị ưu 838.

- **Nhóm giống bổ sung:** Có năng suất, chất lượng ổn định; thích ứng theo từng vùng sinh thái khác nhau để bổ sung vào sản xuất phù hợp bên cạnh nhóm giống chủ lực:

+ Giống lúa thuần: Hương Bình, VNR10, Hương thơm số 1, TBR97, Hana số 7, Xuân Mai, ĐB6, RVT, N24, Nếp 97, BQ.

+ Giống lúa lai: TH3-3, CS04, Thái Xuyên 111, Long Hương 8117, VT404.

- **Nhóm giống chất lượng cao, triển vọng:** Gạo chất lượng cao, phù hợp sản xuất theo hướng hữu cơ, xây dựng thương hiệu và có triển vọng về năng suất, chất lượng tiếp tục đánh giá để bổ sung vào nhóm giống bổ sung:

+ Giống lúa thuần: DT 39 Quế Lâm, Hương Thanh 8, QR15, AYT77, Hạt Vàng 36, Hana 318, HG12, LP5, HN6, TBR87, ĐT37, DK6, ADI28, QP5, Hương Cốm 4, DH15.

+ Giống lúa lai: Ly2099, CT16, MHC2, VT868, TH3-7, VT333.

- **Nhóm giống dự phòng:** Trường hợp rét đậm, rét hại kéo dài ảnh hưởng đến sản xuất, định hướng sử dụng các giống ngắn ngày như sau: SV181, PC6, TH3-5, TH3-3, BT09, HN6, Lai thơm 6.

- Định hướng sử dụng các giống từ cấp xác nhận trở lên, giống chất lượng cao:

+ Sản xuất các giống từ cấp xác nhận trở lên với số lượng khoảng 337,2ha diện tích gieo cấy, chiếm 40% tổng diện tích.

+ Sản xuất các giống chất lượng cao, với diện tích khoảng 505,8 ha, chiếm 60% tổng diện tích.

b) Lịch thời vụ:

- Năm 2026, tiết Tiểu Hàn từ ngày 5/01/2026 (17/11 Ất Ty), tiết Đại Hàn từ ngày 20/01/2026 (02/12 Ất Ty), tiết Lập Xuân từ ngày 04/2/2026 (17/12 Ất Ty) là thời điểm dự báo có tần suất rét cao nhất trong năm cơ bản trùng với lịch xuống giống tập trung các trà lúa Xuân, nên cần chủ động các giải pháp chống rét; tiết Cốc Vũ bắt đầu từ 20/4/2026 (04/3 Bính Ngọ), tiết Lập Hạ bắt đầu từ 05/5/2026 (19/3 Bính Ngọ), bố trí lúa trở tập trung từ 25/4, kết thúc trước 5/5.

- Căn cứ thời gian sinh trưởng của từng giống để bắc mạ trong khung thời vụ từ 10/01- 05/02/2026. Đối với những vùng có tập quán gieo thẳng, lịch gieo thẳng theo thời vụ bắc mạ. Trong cùng một nhóm giống, giống có thời gian sinh trưởng dài hơn bố trí gieo cấy đầu khung thời vụ, giống có thời gian sinh trưởng ngắn hơn bố trí cuối khung thời vụ. Khuyến cáo 100% diện tích mạ phải được phủ nilon đúng kỹ thuật, đồng thời căn cứ vào dự báo thời tiết ngắn hạn để chỉ đạo thời điểm ngâm ủ giống, hạn chế thấp nhất thiệt hại do rét đậm, rét hại gây ra. Dừng gieo, cấy vào những ngày có nhiệt độ thấp dưới 15°C.

c) Kỹ thuật canh tác

- Tuyên truyền, khuyến cáo người dân sử dụng cấp giống xác nhận trở lên. Phát huy vai trò của chính quyền địa phương, các HTX xã, Tổ hợp tác trong việc thực hiện khâu nối với các doanh nghiệp cung ứng giống có uy tín để người sản xuất sử dụng các giống đảm bảo chất lượng.

- Tập trung chỉ đạo bắc mạ có che phủ nilon 100% diện tích đúng quy trình kỹ thuật để chống rét. Khuyến khích cấy mạ non (3 - 3,5 lá), áp dụng phương thức mạ xúc, sử dụng máy cấy đối với những vùng đã hoàn thành chuyển đổi ruộng đất.

- Đối với vùng gieo thẳng khuyến khích gieo tăng 5-10% mạ dự phòng góc ruộng có phủ nilon để dặm và chuẩn bị thóc giống ngăn ngày để dự phòng khi rét đậm, rét hại hoặc ngập úng cục bộ gây chết lúa.

- Áp dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật canh tác: 3 giảm 3 tăng, canh tác lúa cải tiến SRI và hệ thống quản lý dịch hại tổng hợp (IPM). Điều tiết nước tưới hợp lý theo từng giai đoạn sinh trưởng của lúa.

- Chú trọng công tác làm đất, củng cố bờ vùng, bờ thửa giữ nước, bón cân đối và đúng quy trình kỹ thuật các loại phân vô cơ, tận dụng tối đa phân hữu cơ, bổ sung các chế phẩm sinh học để tăng khả năng phân giải các chất hữu cơ trong đất, những vùng chua, phèn bổ sung vôi hoặc phân lân nung chảy để giảm độ chua.

1.2. Sản xuất lạc

- Cơ cấu giống: Sử dụng giống L14, V79, L29, LCHX03 và các giống lạc địa phương như: Lạc cúc, lạc sen, lạc mờ...

- Thời vụ: Tranh thủ đất đủ ẩm, trời ấm để xuống giống xung quanh tiết Lập Xuân, phấn đấu gieo tría kết thúc trong tháng 2/2026.

- Kỹ thuật canh tác: Áp dụng kỹ thuật che phủ nilon.

1.3. Sản xuất ngô

- Cơ cấu giống: Giống ngô lai: NK7328, NK4300, NK6275, SSC586, TQ519, PAC339, VS36, CP519, CP311, CP111, CP511, CP512; nhóm giống ngô nếp: HN68, HN88, HN90.

- Thời vụ: Ngô lấy hạt thời vụ gieo tría kết thúc trước 20/2/2026; đối với ngô sinh khối bố trí linh hoạt thời vụ để tạo nguồn thức ăn xanh phục vụ chăn nuôi. Đối với ngô nếp sử dụng bắp tươi tận dụng tối đa quỹ đất để gieo tría, bố trí trồng xen với đậu, lạc.

1.4. Sản xuất rau các loại

- Cơ cấu chủng loại rau củ quả: Bí xanh, bí đỏ, dưa chuột, đậu đỗ, cà chua, rau gia vị,...

- Thời vụ: Tranh thủ tối đa thời tiết thuận lợi để triển khai gieo trồng, khuyến khích trồng xen, luân canh, gối vụ để tăng hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích.

2. Công tác quản lý nhà nước và phòng trừ dịch hại

2.1. Công tác phòng trừ dịch hại trên cây trồng:

- Tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo, kiểm tra, giám sát công tác phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng. Chú trọng theo dõi diễn biến tình hình dịch hại ở các vùng trọng điểm, thời kỳ xung yếu của cây trồng, giống nhiễm; phát hiện sớm, tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn phòng trừ khi dịch hại mới xuất hiện ở diện hẹp, tập trung các đối tượng gây hại chính trên các loại cây trồng như: Sâu cuốn lá, rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá,...hại lúa; nhóm sâu ăn lá, bệnh héo rũ gốc mốc đen, mốc trắng,...hại lạc; sâu keo mùa thu, sâu xám, bệnh lùn sọc đen Phương Nam,...hại ngô; ruồi đục quả, bệnh nứt thân xì mủ, vàng lá thối rễ,...hại cây ăn

quả có mùi. Hạn chế sử dụng thuốc BVTV hóa học, ưu tiên sử dụng các loại thuốc sinh học, thuốc có nguồn gốc sinh học để phòng trừ theo nguyên tắc 4 đúng.

- Phối hợp chặt chẽ với các phương tiện thông tin đại chúng cảnh báo về thời gian, mức độ gây hại và hướng dẫn các biện pháp phòng trừ trước các thời điểm dịch hại phát sinh gây hại diện rộng.

2.2. Công tác quản lý vật tư nông nghiệp:

Thành lập các Đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng hóa vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất vụ Xuân 2026 trên địa bàn; kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc xuất xứ, bao bì nhãn mác, hồ sơ chất lượng, danh mục sản phẩm các loại hàng hóa vật tư nông nghiệp kinh doanh trên địa bàn; Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón,... kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm theo quy định hiện hành, đảm bảo hàng hoá phục vụ sản xuất, lưu thông trên thị trường đáp ứng chất lượng phục vụ sản xuất.

2.3. Công tác thủy lợi

a) Giải pháp công trình

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá công trình sau mùa mưa lũ để xây dựng kế hoạch, tổ chức tổ chức duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình thủy lợi đảm bảo cấp nước phục vụ sản xuất; kiểm tra, sửa chữa các hệ thống cánh cửa cống hồ chứa nước bị hư hỏng, rò rỉ làm thất thoát nước

- Phát động toàn dân ra quân làm thủy lợi kịp thời phục vụ sản xuất theo tinh thần của UBND tỉnh tại Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 05/11/2025 về việc tổ chức ra quân làm thủy lợi phục vụ sản xuất và dân sinh năm 2026; huy động toàn dân ra quân làm thủy lợi, nạo vét, khơi thông các hệ thống kênh tưới, kênh dẫn; củng cố bờ vùng, bờ thửa để giữ nước mặt ruộng, tránh thất thoát nguồn nước; tập trung đẩy nhanh tiến độ kiên cố hóa kênh mương nội đồng, hoàn thành theo kế hoạch được giao để kịp thời cấp nước phục vụ sản xuất.

b) Giải pháp phi công trình

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị, khai thác công trình thủy lợi trong việc vận hành, điều tiết, phân phối nguồn nước hợp lý, tiết kiệm, đảm bảo đủ nước tưới cho số diện tích gieo cấy nằm trong khu tưới của các hệ thống công trình thủy lợi

- Củng cố, kiện toàn tổ chức thủy lợi cơ sở để nhận nước, dẫn nước vào từng thửa ruộng cho bà con nông dân; đồng thời quản lý, bảo vệ các hạng mục công trình, kênh mương mặt ruộng trong khu tưới được giao trong quá trình vận hành điều tiết, phân phối nước.

3. Quy hoạch vùng lúa năng suất, chất lượng cao; thực hiện tích tụ, tập trung ruộng đất; cải tạo nâng cao chất lượng đất trồng lúa; ứng dụng tiên bộ kỹ thuật vào sản xuất

3.1. Quy hoạch vùng lúa năng suất, chất lượng cao:

- Phối hợp với đơn vị tư vấn dự kiến Quy hoạch vùng trồng lúa năng suất, chất lượng cao (theo quy định tại Nghị định 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ)

trình UBND tỉnh phê duyệt, với định hướng khoảng 9 vùng, với tổng diện tích khoảng 263 ha.

- Trên cơ sở vùng quy hoạch trồng lúa năng suất, chất lượng cao, ưu tiên nguồn ngân sách đầu tư các công trình thủy lợi, giao thông tại vùng quy hoạch, gắn với tổ chức lại sản xuất các vùng theo hướng chuyên canh, giảm phát thải.

3.2. Thực hiện tập trung ruộng đất:

Rà soát các vùng sản xuất lúa chất lượng cao, áp dụng cơ giới hóa, khoa học - kỹ thuật vào trong sản xuất. Thực hiện công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xây dựng các vùng sản xuất tập trung nhằm thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận đầu tư sản xuất theo hướng hàng hóa quy mô lớn, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn.

3.3. Cải tạo nâng cao chất lượng đất trồng lúa:

Ưu tiên thực hiện các biện pháp cải tạo và nâng cao chất lượng đất trồng lúa thông qua bón phân hữu cơ, phân vi sinh và áp dụng các biện pháp canh tác bền vững, nhằm tăng độ phì nhiêu, giảm thoái hóa đất hướng tới sản xuất nông nghiệp xanh, bền vững và thân thiện với môi trường.

3.4. Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất:

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2024 - 2030; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, VietGAP, duy trì tuân thủ quy trình.

- Tổ chức thực hiện xây dựng mã số vùng trồng theo Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

4. Chính sách

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa; Nghị quyết 143/2025/NQ-HĐND ngày 23/01/2025 quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, trong đó ưu tiên hỗ trợ giống, phân bón hữu cơ, phân bón hữu cơ sinh học, phân bón hữu cơ vi sinh để cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, thu hút các doanh nghiệp đầu tư, ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm hàng hoá.

- Ngoài chính sách của Trung ương và tỉnh, UBND xã sẽ căn cứ điều kiện sản xuất cụ thể bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất như nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm; kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án; trích ngân sách địa phương và kinh phí hợp pháp khác để hỗ trợ nông dân đầu tư phát triển sản xuất, đặc biệt là mở rộng mô hình có hiệu quả tại địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế:

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, đoàn thể để chỉ đạo tổ chức, triển khai Đề án sản xuất vụ Xuân 2026 có hiệu quả; kịp thời tham mưu các phương án hỗ trợ sản xuất, sửa chữa cơ sở hạ tầng thủy lợi giao thông nội đồng.

- Tổ chức hướng dẫn quy trình, kỹ thuật sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng, nhân rộng các mô hình, công tác ứng phó, khắc phục thiên tai, phòng trừ sâu bệnh, dịch hại; Phát động phong trào ra quân làm thủy lợi nội đồng, khẩn trương sửa chữa khắc phục các công trình bị hư hỏng do mưa lũ gây ra trong năm 2025; củng cố, kiện toàn các tổ chức thủy lợi cơ sở để nhận nước, dẫn nước vào từng thửa ruộng cho bà con nông dân.

- Thành lập đoàn kiểm tra các cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn và xử lý nghiêm trường hợp vi phạm nếu có.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội.

Phối hợp với phòng Kinh tế tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, chuyển tải những chủ trương, chính sách về nông nghiệp, các biện pháp kỹ thuật thâm canh, phòng trừ sâu bệnh hại và thông tin kịp thời các nguy cơ về thiên tai để người dân chủ động ứng phó.

3. Đề nghị UBNDTTQ Việt Nam xã và các tổ chức Chính trị-Xã hội

Phối hợp chặt chẽ với phòng Kinh tế tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên, đoàn viên và nhân dân hiểu và nắm vững các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, hăng hái tham gia đẩy mạnh sản xuất hoàn thành thắng lợi kế hoạch sản xuất vụ Xuân 2026.

4. Thôn trưởng, Ban công tác mặt trận các thôn

Trên cơ sở Đề án sản xuất năm 2026, tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện sản xuất theo kế hoạch đề ra, phấn đấu hoàn thành thắng lợi vụ Xuân 2026.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- TTr: Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- UBNDTTQ xã;
- Các phòng: VPHĐND&UBND, VHXX, KT.
- Thôn trưởng, Ban CTMT các thôn;
- Lưu VT,KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Huy

PHỤ LỤC 01: CHỈ TIÊU ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT LÚA, LẠC VỤ XUÂN NĂM 2026

TT	Thôn	Cây lúa						Cây lạc					
		Kết quả năm 2025			Kế hoạch năm 2026			Kết quả năm 2025			Kế hoạch năm 2026		
		Tổng diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Tổng diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Tổng diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Tổng diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
	Toàn xã	876	60,21	5.274	845	59,2	49.986	40	26,58	106	40	27,85	1.114
1	Xuân Sơn				43	60	2.580,0				0,5	27,85	13,925
2	Kê Lạt				19,51	60	1.170,6				0,5	27,85	13,925
3	Kỳ Tây				41	60	2.460,0				2	27,85	55,7
4	Phú Vinh				30	60	1.800,0				0,5	27,85	13,925
5	Phú Hoà				40	60	2.400,0				0,5	27,85	13,925
6	Phú Thuận Hợp				28	60	1.680,0				3	27,85	83,55
7	Kỳ Đông				32,2	60	1.932,0				0,5	27,85	13,925
8	Vân Thanh				30	60	1.800,0				0,5	27,85	13,925
9	Vân Thanh Bắc				43,75	60	2.625,0				12,0	27,85	334,2
10	An Lạc				48	60	2.880				0,5	27,85	13,925
11	Bắc Tây Nam				20	60	1.200				2	27,85	55,7
12	Hải Đông				32	60	1.920				1	27,85	27,85
13	Cường Thịnh				47	58,3	2.740				1,5	27,85	41,775
14	An Phúc Lộc				47	58	2.726				1,5	27,85	41,775
15	Tân Trù				50	59	2.950				1	27,85	27,85
16	Trung Vượng				53,54	59	3.159				1	27,85	27,85
17	Bắc Sơn				72	58,3	4.198				1,5	27,85	41,775
18	Trung Sơn				32	58,2	1.862				1	27,85	27,85
19	Nam Sơn				50	58,3	2.915				1	27,85	27,85

20	Song Long				42	58	2.436				1	27,85	27,85
21	Song Nam				44	58	2.552				7	27,85	194,95

Phụ lục 02CHỈ TIÊU ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT RAU, NGÔ VỤ XUÂN 2026

TT	Xã, phường	Rau củ quả						Cây Ngô					
		Kết quả năm 2025			Kế hoạch năm 2026			Kết quả năm 202			Kế hoạch năm 2027		
		Tổng diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Tổng diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Tổng diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Tổng diện tích (ha)	Năng suất BQ (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
	Toàn xã	86	80,00	6880	61	80	4.880	183,31	52,25	958	100	53,00	5300
1	Xuân Sơn				3	80	240				4,5	53	238,5
2	Kẻ Lặt				3	80	240				1,5	53	79,5
3	Kỳ Tây				2	80	160				3	53	159
4	Phú Vinh				2	80	160				5,5	53	291,5
5	Phú Hoà				3	80	240				3,5	53	185,5
6	Phú Thuận Hợp				2	80	160				4,5	53	238,5
7	Kỳ Đông				3	80	240				1	53	53
8	Vân Thanh				3	80	240				10,5	53	556,5
9	Vân Thanh Bắc				3	80	240				15,5	53	821,5
10	An Lạc				3	80	240				5,4	53	286,2
11	Bắc Tây Nam				3	80	240				5,5	53	291,5
12	Hải Đông				3	80	240				5,5	53	291,5
13	Cường Thịnh				3	80	240				2,4	53	127,2
14	An Phúc Lộc				3	80	240				2,4	53	127,2
15	Tân Trù				3	80	240				1,5	53	79,5
16	Trung Vượng				3	80	240				2,5	53	132,5
17	Bắc Sơn				3	80	240				2,5	53	132,5
18	Trung Sơn				3	80	240				8,5	53	450,5

19	Nam Sơn				3	80	240				1,5	53	79,5
20	Song Long				3	80	240				2,3	53	121,9
21	Song Nam				3	80	240				10,5	53	556,5

Phụ lục 03

CHỈ TIÊU ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT KHOAI LANG, ĐẬU VỤ XUÂN 2026

TT	Xã/phường	Khoai lang						Cây đậu					
		Kết quả năm 2025			Kế hoạch năm 2026			Kết quả năm 2025			Kế hoạch năm 2026		
		Diện tích (ha)	Năng suất tạ/ha	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất tạ/ha	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất tạ/ha	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất tạ/ha	Sản lượng (tấn)
	Toàn xã	105	98,30	1.032	30	105	3.150				4	7,5	30
1	Xuân Sơn				2	105	210						
2	Kê Lạt				0,9	105	94,5						
3	Kỳ Tây				1,5	105	157,5						
4	Phú Vinh				0,5	105	52,5						
5	Phú Hoà				0,5	105	52,5						
6	Phú Thuận Hợp				0,5	105	52,5						
7	Kỳ Đông				0,5	105	52,5						
8	Vân Thanh				0,2	105	21						
9	Vân Thanh Bắc				2	105	210						
10	An Lạc				2	105	210						
11	Bắc Tây Nam				3	105	315						
12	Hải Đông				1	105	105						
13	Cường Thịnh				2,6	105	273						
14	An Phúc Lộc				3,3	105	346,5						
15	Tân Trù				2	105	210						
16	Trung Vượng				2	105	210						
17	Bắc Sơn				1	105	105						
18	Trung Sơn				1	105	105						
19	Nam Sơn				1	105	105						
20	Song Long				1,5	105	157,5						
21	Song Nam				1	105	105						

PHỤ LỤC 05: LỊCH THỜI VỤ GIEO CÂY LÚA VỤ XUÂN 2026

TT	Cơ cấu giống	TGST (ngày)	Thời gian bắc mạ		Dự kiến thời gian cấy	
			Dương lịch	Âm lịch	Dương lịch	Âm lịch
I	Nhóm giống chủ lực					
1	Nhị ưu 838, Nếp 87, Nếp 98	130-135	10-15/01/2026	22-27/11/2025	5-10/02/2026	18-23/12/2025
2	Bắc Thịnh, Hà Phát 3, Khang dân đột biến, Khang dân 18, ADI168, VNR20.	120 - 125	20-25/01/2026	02-7/12/2025	10-15/02/2026	23-28/12/2025
3	BT09	110-115	01-05/2/2026	14-18/12/2025	20-25/02/2026	04-9/01/2026
II	Nhóm giống bổ sung					
1	Thái Xuyên 111, VT404, Long Hương 8117, Nếp 97, CS04, N24	130-135	10-15/01/2026	22-27/11/2025	5-10/02/2026	18-23/12/2025
2	Hương Bình, Hương thơm số 1, VRN10, Hana số 7, TBR97, RVT, BQ	120 - 125	20-25/01/2026	02-7/12/2025	10-15/02/2026	23-28/12/2025
3	Xuân Mai, ĐB6, TH3-3	110-115	01-05/2/2026	14-18/12/2025	20-25/02/2026	04-9/01/2026
II	Nhóm giống chất lượng cao, triển vọng					
1	VT868, Ly2099, CT16, MHC2, VT333	130-135	10-15/01/2026	22-27/11/2025	5-10/02/2026	18-23/12/2025
2	Hương Thanh 8, Hana 318, ĐH15, TH3-7, TBR87, QR15, ĐT37, DK6, AYT77, Hạt Vàng 36, DT 39 Quế Lâm, QP5, LP5, HG12, ADI28, Hương Cốm 4	120 - 125	20-25/01/2026	02-7/12/2025	10-15/02/2026	23-28/12/2025
3	HN6	110-115	01-05/2/2026	14-18/12/2025	20-25/02/2026	04-9/01/2026

Ghi chú:

- Đối với những thôn có lợi thế về địa hình, tưới tiêu thuận lợi và có tập quán gieo, lịch gieo theo thời vụ bắc mạ. Các thôn căn cứ vào điều kiện sinh thái, chế độ canh tác của từng vùng, thời gian sinh trưởng của từng giống để bố trí lịch thời vụ gieo cấy phù hợp trong khung lịch thời vụ của tỉnh.
- Những vùng đất tốt thâm canh cao gieo cấy cuối lịch thời vụ, những vùng đất xấu thâm canh thấp gieo cấy đầu lịch thời vụ

